

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I - Năm 2019

I- Đặc điểm hoạt động của Công ty

- | | |
|---|--|
| 1 - Hình thức sở hữu vốn: | Công ty cổ phần |
| 2 - Lĩnh vực hoạt động: | Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư CK |
| 3 - Ngành nghề kinh doanh: | Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư CK |
| 4 - Tổng số công nhân viên và người lao động: | 13 |
| Trong đó: | |
| - Nhân viên quản lý | 2 |
| - Tuyển dụng mới | |
| - Chuyển công tác | |
| - Kỷ luật | 0 |
| - Những người đã được cấp CCHN | 10 |

Tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp
1 Bà Vũ Hoài Anh	000796/QLQ	14-Nov-11
2 Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	000795/QLQ	14-Nov-11
3 Ông Ngô Thanh Hải	001031/QLQ	13-Nov-13
4 Bà Phạm Bích Ngọc	001243/QLQ	7-Apr-15
5 Nguyễn Thục Anh	000959/QLQ	7-Jun-13
6 Đoàn Thị Vân Anh	000793/QLQ	14-Nov-11
7 Lã Thị Xuân Anh	001384/QLQ	29-Feb-16
8 Nguyễn Huy Hoàng	001381/QLQ	16-Feb-16
9 Nguyễn Thị Thu Hương	001540/QLQ	6-Mar-17
10 Nguyễn Tô Uyên	001582/QLQ	29-Jun-17

- 5- Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 1/1 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Đồng Việt Nam (VND)

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- 1 - Chế độ kế toán áp dụng:
Chế độ kế toán cho công ty Quản lý Quỹ theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của BTC
- 2 - Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam(VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.
- 3 - Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
- 2- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): TSCĐ được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): khấu hao theo Phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản (Thiết bị văn phòng - 3 năm)
- 3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính
 - Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Các khoản đầu tư vào các Công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Công ty có quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo nguyên giá.
 - Các khoản đầu tư chứng khoán
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty tham khảo theo hướng dẫn tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6/10/2014 do

Bộ Tài chính ban hành.

Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

+ Đối với các chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

+ Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 1 năm.

- Chi phí khác

- Chi phí trả trước dài hạn: Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2-3 năm.

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

6- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 do Bộ tài chính ban hành.

7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở vốn thực góp của các Cổ đông tại Công ty theo tổng số vốn điều lệ đã được đăng ký.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá tài sản

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là lợi nhuận còn lại từ hoạt động kinh doanh sau khi đã phân phối vào các quỹ và chia cổ tức

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hoạt động nghiệp vụ: Doanh thu hoạt động nghiệp vụ bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và danh mục đầu tư chứng khoán, các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện.

- Doanh thu hoạt động tài chính:

+ Hoạt động tự doanh chứng khoán: Lãi/Lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

+ Doanh thu hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Như mục 8

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Thuế TNDN thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được

quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập.
Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.

11- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng Việt nam

01- Tiền

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
- Tiền mặt	-	-
- Tiền gửi ngân hàng	707,845,506	2,189,964,999
- Tương đương tiền	6,000,000,000	3,700,000,000
CỘNG	6,707,845,506	5,889,964,999

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31-Mar-19</u>		<u>31-Dec-18</u>	
	Số lượng CP	Giá trị	Số lượng CP	Giá trị
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Hoàng Thành	-	-		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	747,500	25,500,000,000	747,500	25,500,000,000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(13,876,375,000)		(13,540,000,000)
- Hợp đồng tiền gửi		50,000,000,000		64,000,000,000
CỘNG		61,623,625,000		75,960,000,000

03- Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
- Phải thu hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán	60,273,973	-
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1,351,089,054	1,247,068,913
CỘNG	1,411,363,027	1,247,068,913

04- Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
- Phải thu tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	2,712,835,160	1,747,795,430
CỘNG	2,712,835,160	1,747,795,430

05- Hàng tồn kho

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-
CỘNG	-	-

06- Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
- Thuế TNDN nộp thừa	851,718,396	851,418,584
- Các khoản khác phải thu nhà nước	-	-
CỘNG	851,718,396	851,418,584

07- Phải thu dài hạn nội bộ

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
- Vốn cấp cho đơn vị cấp dưới	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
CỘNG	-	-

08- Phải thu dài hạn khác

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
CỘNG	-	-

09- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Tại ngày 1/1/2019	103,208,600	103,208,600
Tăng trong quý	-	-
Giảm trong quý	-	-
Tại ngày 31/3/2019	103,208,600	103,208,600
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 1/1/2019	(103,208,600)	(103,208,600)
Khấu hao trong quý	-	-
Giảm khấu hao trong quý	-	-
Tại ngày 31/3/2019	-103,208,600	(103,208,600)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1/1/2019	-	-
Tại ngày 31/3/2019	-	-
10- Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính		
11- Tăng giảm tài sản cố định vô hình		
	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Tại ngày 1/1/2019	-	-
Tăng trong quý	-	-
Giảm trong quý	-	-
Tại ngày 31/3/2019	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 1/1/2019	-	-
Khấu hao trong quý	-	-
Giảm khấu hao trong quý	-	-
Tại ngày 31/3/2019	-	-

Giá trị còn lại

Tại ngày 1/1/2019

-

-

Tại ngày 31/3/2019

-

-

12- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ đầu tư	31-Mar-19		31-Dec-18
		Số lượng CP	Giá trị	Giá trị
a- Đầu tư vào Công ty con	100.00%	-	50,000,000,000	50,000,000,000
Công ty TNHH Đầu tư FF	100.00%		50,000,000,000	50,000,000,000
b- Đầu tư dài hạn khác	0.00%	-	-	-
	0 0.00%			-
c- Dự phòng giảm giá Đầu tư Dài hạn			-8,413,860,398	-8,413,860,398
TỔNG			41,586,139,602	41,586,139,602

14- Vay ngắn hạn**15- Chi phí trả trước dài hạn**

	31-Mar-19	31-Dec-18
Chi phí trả trước dài hạn	3,325,000	5,320,000
CỘNG	3,325,000	5,320,000

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31-Mar-19	31-Dec-18
Thuế GTGT		0
Thuế TNDN	0	0
Thuế TNCN	23,506,639	64,353,849
CỘNG	23,506,639	64,353,849

17- Chi phí phải trả

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
Chi phí phải trả	0	0
CỘNG	0	-

18- Các khoản phải trả phải nộp khác ngắn hạn

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
Kinh phí công đoàn	162,886,792	147,686,476
Bảo hiểm xã hội		
Bảo hiểm y tế		
Phải trả phải nộp khác	63,261,892	36,500,000
Bảo hiểm thất nghiệp		
Doanh thu chưa thực hiện	150,479,452	257,739,728
CỘNG	376,628,136	441,926,204

19- Phải trả dài hạn nội bộ**20- Vay và nợ dài hạn****21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	0	0
CỘNG	0	-

22- Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**23- Tài sản thuê ngoài****24- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	186,434,678	189,051,600
CTCP Viễn thông FPT	1,553,615	1,577,996
Nguyễn Mạnh Hào	72,512,919	537,375
CTCP Dịch vụ trực tuyến FPT	1,355,709	1,004,007
CT TNHH Đầu tư FPT	296,875,306	232,686,435
Đỗ Vũ Đạt	37,055,620	59,614,939
Nguyễn Thị Trà Vinh	9,591,441	457,439,787
CTCP Đầu tư và Phát triển Đào tạo E.D.H	2,472,014	3,304,854
Lê Văn Giang	45,474,307	46,215,664
CTCP FPT	26,256,886	26,271,428
Quỹ mở New-S FPT Capital Trust Vietnam B:	14,174,731,505	4,755,448,248
TỔNG	14,854,314,000	5,773,152,333

Ngân hàng TMCP Tiên Phong Bank	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
- Số dư đầu kỳ	189,051,600	187,594,924
- Số tăng trong kỳ	93,090	4,876,832
- Số giảm trong kỳ	2,710,012	3,420,156
- Số dư cuối kỳ	186,434,678	189,051,600

CTCP Viễn thông FPT	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
- Số dư đầu kỳ	1,577,996	1,577,210
- Số tăng trong kỳ	24,860,469	786
- Số giảm trong kỳ	24,884,850	
- Số dư cuối kỳ	1,553,615	1,577,996

CTCP Chứng khoán Dầu khí	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
- Số dư đầu kỳ	-	614,827
- Số tăng trong kỳ		222
- Số giảm trong kỳ		615,049
- Số dư cuối kỳ	-	-

Nguyễn Mạnh Hào	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
------------------------	-------------------	--------------------

- Số dư đầu kỳ	537,375	2,141,759
- Số tăng trong kỳ	72,003,044	1,068
- Số giảm trong kỳ	27,500	1,605,452
- Số dư cuối kỳ	72,512,919	537,375

CTCP Dịch vụ trực tuyến FPT	Quý I-2019	Quý IV-2018
- Số dư đầu kỳ	1,004,007	1,003,507
- Số tăng trong kỳ	21,494,600	500
- Số giảm trong kỳ	21,142,898	
- Số dư cuối kỳ	1,355,709	1,004,007

Công ty TNHH Đầu tư FPT (FI)	Quý I-2019	Quý IV-2018
- Số dư đầu kỳ	232,686,435	207,527,612
- Số tăng trong kỳ	2,883,307,353	715,696,024
- Số giảm trong kỳ	2,819,118,482	690,537,201
- Số dư cuối kỳ	296,875,306	232,686,435

Đỗ Vũ Đạt (1)	Quý I-2019	Quý IV-2018
- Số dư đầu kỳ	50,165,457	27,655,573
- Số tăng trong kỳ	23,811	284,211,413
- Số giảm trong kỳ	13,133,648	261,701,529
- Số dư cuối kỳ	37,055,620	50,165,457

Nguyễn Thị Trà Vinh	Quý I-2019	Quý IV-2018
- Số dư đầu kỳ	457,439,787	5,750,583
- Số tăng trong kỳ	1,083,507,770	456,336,805
- Số giảm trong kỳ	1,531,356,116	4,647,601
- Số dư cuối kỳ	9,591,441	457,439,787

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đào	Quý I-2019	Quý IV-2018
- Số dư đầu kỳ	3,304,854	4,365,845
- Số tăng trong kỳ	1,598	2,027
- Số giảm trong kỳ	834,438	1,063,018

- Số dư cuối kỳ	2,472,014	3,304,854
-----------------	-----------	-----------

Đỗ Vũ Đạt (2)

	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
- Số dư đầu kỳ	9,449,482	14,669,207
- Số tăng trong kỳ	5,030,005,615	6,571
- Số giảm trong kỳ	5,005,146,428	5,226,296
- Số dư cuối kỳ	34,308,669	9,449,482

Lê Văn Giang

	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
- Số dư đầu kỳ	46,215,664	-
- Số tăng trong kỳ	22,808	53,612,924
- Số giảm trong kỳ	764,165	7,397,260
- Số dư cuối kỳ	45,474,307	46,215,664

Quỹ mở New-S FPT Capital Trust Vietnam

	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
- Số dư đầu kỳ	4,755,448,248	4,931,115,634
- Số tăng trong kỳ	11,507,829,219	1,253,146,371
- Số giảm trong kỳ	2,088,545,962	1,428,813,757
- Số dư cuối kỳ	14,174,731,505	4,755,448,248

25- Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	<u>31-Mar-19</u>	<u>31-Dec-18</u>
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
+ Cổ phiếu niêm yết	51,000,091,551	51,604,341,551
+ Cổ phiếu không niêm yết	99,714,323,000	61,795,643,000
+ Trái phiếu	766,250,000	766,250,000
+ Đầu tư dài hạn	30,500,000,000	25,500,000,000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	2,800,000,000	2,800,000,000
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
+ Cổ phiếu niêm yết	21,173,641,859	29,438,529,537
+ Trái phiếu	20,894,680,000	20,894,680,000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-

26- Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

31-Mar-19

31-Dec-18

60,112,790,459 58,355,956,207

27- Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	31-Mar-19	31-Dec-18
Phải trả người bán chứng khoán	2,666,666,667	2,666,666,667
Phải trả phí quản lý	1,351,089,054	1,247,068,913
Phải trả phí lưu ký	67,946,983	76,110,867
Phải trả khác	15,490,610,038	1,461,357,386
	19,576,312,742	5,451,203,833

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

28- Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ (Mã số 01)

	Quý I-2019	Quý IV-2018	
- Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ	60,273,973	-	0.11
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục	497,694,307	671,095,751	0.89
CỘNG	557,968,280	671,095,751	

29- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

30- Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Quý I-2019	Quý IV-2018
- Chi phí hoạt động quản lý Quỹ	75,271,393	
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục	621,531,016	830,844,022
CỘNG	696,802,409	830,844,022

31- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	Quý I-2019	Quý IV-2018
- Lãi tiền gửi	1,844,623,348	1,784,107,024
- Lãi đầu tư tài chính		89,779,761
- Cổ tức lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
CỘNG	1,844,623,348	1,873,886,785

32- Chi phí tài chính (Mã số 22)

	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		940,536,899
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá	337,201,100	9,273,485,398
- Chi phí tài chính khác	826,100	1,023,000
CỘNG	338,027,200	10,215,045,297

33- Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51)

	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

34- Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Mã số 52)

	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ**VIII - Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu:****IX - Những thông tin khác**

	<u>Quý I-2019</u>	<u>Quý IV-2018</u>
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành	10,945,000	10,945,000
- Số cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	55,000	55,000

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Lập ngày 18 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Vũ Hoài Anh

Vũ Hoài Anh

Nguyễn Thị Thu Nguyệt

Nguyễn Thị Thu Nguyệt, Ngô Thanh Hải
Ngô Thanh Huyền
Nguyễn Lệ Hằng

31/03/2019

31/12/2018

Cuối quý

Đầu quý

Cuối năm

Đầu năm

Quý I-2019	Quý IV-2018
Quý này	Quý trước
Năm nay	Năm trước

Năm nay	Năm trước
Quý này	Quý trước
Quý I-2019	Quý IV-2018

-
1.00